

PHIẾU BÀI TẬP CUỐI TUẦN LỚP 1 - TUẦN 26

Họ và tên: Lớp: 1....

* MÔN TOÁN *

Câu 1. Khoanh vào chữ cái đặt trước câu trả lời đúng:

a. Số 55 đọc là:

A. Năm lăm

B. Lăm mươi năm

C. Năm mươi lăm

b. Số liền trước của 78 là:

A. 79

B. 80

C. 77

c. Dãy số được viết theo thứ tự từ lớn đến bé là:

A. 45, 52, 34

B. 61, 59, 76

C. 90, 87, 63

d. Dãy số nào được viết theo thứ tự từ bé đến lớn?

A. 60, 58, 45

B. 42, 53, 66

C. 70, 82, 67

e. An gấp được 8 cái thuyền, số thuyền của Huy gấp được là số bé nhất có hai chữ số. Cả hai bạn gấp được số thuyền là:

A. 19 cái thuyền

B. 18 cái thuyền

C. 10 cái thuyền

Câu 2. a, Viết số:

Năm mươi hai:

Tám mươi sáu:

Hai mươi:

Bảy mươi tư:

Mười chín:

Ba mươi một:

b, Đọc số:

91:

64:

78:

15:

90:

45:

Câu 3. >, <, =?

62 69

90 59

60 66

48 39

35 53

84 84

71 77

52 52

42cm 19cm

92cm 29cm

46cm 48cm

75cm 75cm

Câu 4. Điền vào chỗ chấm:

+ Số 18 gồm ... chục và ... đơn vị.

+ Số liền trước của số 55 là ...

+ Số 56 gồm ... đơn vị và ... chục.

+ Số liền sau của số 28 là ...

+ Số 88 gồm ... chục và ... đơn vị.

+ Số liền trước của số 76 là ...

+ Số ... gồm 6 chục và 2 đơn vị.

+ Số liền sau của số 87 là ...

+ Số 84 gồm ... chục và ... đơn vị.

+ Số bé nhất có hai chữ số là ...

+ Số ... gồm 3 đơn vị và 4 chục.

+ Số lớn nhất có hai chữ số là ...

Câu 5. Sắp xếp các số **36, 57, 81, 92, 38** theo thứ tự:

a) Từ bé đến lớn:

b) Từ lớn đến bé:

Câu 6. Khoanh tròn vào số bé nhất:

a) 26 , 89 , 70 , 42 , 36

b) 32 , 67 , 54 , 23 , 97

c) 28 , 53 , 14 , 98 , 32

d) 89 , 43 , 65 , 32 , 31

Câu 7. Khoanh tròn vào số lớn nhất:

a) 45 , 78 , 20 , 57 , 87

b) 11 , 22 , 55 , 67 , 91

c) 34 , 45 , 56 , 78 , 89

d) 54 , 53 , 52 , 47 , 48

Câu 8. Viết (theo mẫu):

Mẫu: $57 = 50 + 7$

$74 = \dots + \dots$

$56 = \dots + \dots$

$93 = \dots + \dots$

$63 = \dots + \dots$

$42 = \dots + \dots$

$45 = \dots + \dots$

$19 = \dots + \dots$

$84 = \dots + \dots$

Câu 9. $>, <, =$?

45 47

23 32

89 91

34 32

14 45

63 63

23 24

25

43 41

40

78 79

80

52 51

49

Câu 10. Tủ sách của An có 40 quyển truyện. Mẹ mua thêm cho An 10 quyển truyện. Hỏi tủ sách của An có tất cả bao nhiêu quyển truyện?

Bài giải

.....
.....

* MÔN TIẾNG VIỆT *

*** Đọc:**

BỐN MÙA

Mỗi năm có bốn mùa: Xuân, Hạ, Thu, Đông. Mùa Xuân tiết trời ấm áp, cây cối đâm chồi nảy lộc. Mùa Hạ nóng bức, ve sầu kêu inh ỏi. Thu đến, bầu trời trong xanh mát mẻ. Đông về rét oi là rét.

*** Bài tập:**

Câu 1. Dựa vào nội dung bài *Bốn mùa*, hãy khoanh vào chữ đặt trước đáp án đúng:

a. Mỗi năm có mấy mùa?

A. Hai mùa

B. Bốn mùa

C. Ba mùa

D. Năm mùa

b. Mùa Hạ tiết trời như thế nào?

A. Mát mẻ

B. Rét

C. Nóng bức

D. Ấm áp

Câu 2. Tìm 5 tiếng trong bài chứa vần có âm chính và âm cuối:

.....

Câu 3. Đặt các tiếng **xuân, hạ, thu, đông** vào mô hình:

--	--	--	--

--	--	--	--

--	--	--	--

--	--	--	--

* **Viết:** (Em hãy viết bài **Bốn mùa** vào vở Chính tả ở nhà.)